BUILDING TRUST

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sarnafil® TS 77-15 AP

Màng chống thấm mái FPO (TPO) gia cường polyester dày 1.5mm

MÔ TẢ

Sarnafil® TS 77-15 AP là màng chống thấm mái cao su nhiệt dẻo polyolefin (FPO/TPO), chiều dày 1.5 mm, có lớp gia cường polyester bên trong. Màng có thể hàn bằng khí nóng, được ổn định để kháng tia UV và có thể sử dụng ở các vùng khí hậu khác nhau.

ỨNG DỤNG

Sarnafil® TS 77-15 AP được sử dụng làm màng chống thấm cho hệ mái được cố định cơ học.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Độ bền cao, tuổi thọ sử dụng lâu dài.
- Tăng khả năng chống chịu tải gió.
- Chất lượng ổn định dưới tác động của tia UV, giúp tăng tuổi thọ của mái tại khu vực có cường độ UV cao
- Hàn chồng mí bằng khí nóng, không cần sử dụng lửa khò nên giảm nguy cơ cháy nổ.
- Màu trắng giúp giảm lượng nhiệt truyền vào công trình, từ đó có thể giảm chi phí điện năng tiêu thụ.
- Có khả năng kháng sự xuyên thủng của rễ cây.

TÍNH BỀN VỮNG

- Đáp ứng các tiêu chí LEED v4 về công bố và tối ưu hóa sản phẩm xây dựng – Công bố tác động đến môi trường của sản phẩm (EPD).
- Đáp ứng tiêu chí LEED v4 về nguồn cung nguyên vật liệu thô.
- Đáp ứng tiêu chí LEED v4 về thành phần vật liệu.
- Đáp ứng tiêu chí LEED v4 về giảm hiệu ứng đảo nhiệt tại các khu vực xây dựng.
- Công bố tác đông đến môi trường của sản phẩm (EPD) theo EN 15804; được xác minh độc lập bởi Institut für Bauen und Umwelt e.V. (IBU).

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Tuyên bố hiệu năng dựa trên EN 13956:2012 – Tấm chống thấm dạng dẻo; tấm nhựa và cao su dùng chống thấm mái – Định nghĩa và đặc tính.
- Khả năng kháng rễ cây theo EN 13948; tài liệu nguồn nêu Sarnafil® TS 77, Weihenstephan-Triesdorf, Báo cáo thử nghiệm số 26e/20.

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	Cao su nhiệt dẻo Polyolefins (FPO(TPO))	
Đóng gói	Chiều rộng	2 m
	Chiều dài	20 m
	Khối lượng	66 kg
	Chiều rộng	1.34 m
	Chiều dài	30 m
	Khối lượng	66.33 kg
	Tham khảo các loại đóng gói khác nhau.	
Màu sắc	Màu lớp trên	Trắng (RAL 9016) Xám nhạt (RAL 7035)
	Màu lớp dưới	Xám đậm

Hạn sử dụng	5 năm từ ngày sản xuất	
Điều kiện lưu trữ	Bảo quản trong bao bì gốc còn nguyên, chưa mở và không hư hỏng; nơi khô ráo, nhiệt độ từ -5°C đến +40°C. Đặt cuộn nằm ngang. Không xếp chồng pallet cuộn lên nhau hoặc đặt dưới pallet của vật liệu khác trong quá trình vận chuyển/lưu kho. Luôn tham khảo hướng dẫn trên bao bì.	
Công bố sản phẩm	EN 13956 – Màng polymer chống thấm mái; ASTM D 6878	
Chiều dài	20 m (+1 m / -0 m) 30 m (+1 m / -0 m)	(EN 1848-2)(ASTM D 751) (EN 1848-2)(ASTM D 751)
Chiều rộng	2 m (+0.02 m / -0.01 m) 1.34 m (+0.02 m / -0.01 m)	(EN 1848-1)(ASTM D 751) (EN 1848-1)(ASTM D 751)
Độ phẳng	≤ 10 mm	(EN 1848-2)
Khối lượng trên đơn vị diện tích	1.56 kg/m² (+0.15 kg/m² / -0.08 kg/m²)	(EN 1849-2)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khả năng kháng tác động	Phương pháp A, nền cứng Phương pháp B, nền mềm	≥ 700 mm ≥ 900 mm	(EN 12691)
Khả năng kháng tĩnh tải	Nền cứng Nền mềm	≥ 20 kg ≥ 20 kg	(EN 12730)
Khả năng kháng sự xuyên thủng của rễ cây	Đạt		(EN 13948)
Sự ổn định kích thước	Theo phương dọc (MD), sau 6 giờ tại +80 °C Theo phương ngang (CMD), sau 6 giờ tại +80 °C	≤ |0.5| % ≤ |0.2| %	(EN 1107-2)
Khả năng kháng tách mối nối	Dạng phá hoại loại C: mối nối không bị phá hỏng		(EN 12316-1)
Phản ứng với lửa	Loại E		(EN 13501-1)
Khả năng giữ lại các đặc tính sau khi tiếp xúc với nhiệt trong thời gian dài	Thay đổi khối lượng ≤±1.5% kiểm tra ở độ phóng đại 7× để phát hiện vết nứt khi uốn quanh trục đường kính 3 inch		(ASTM D 537)
Khả năng kháng tia UV	> 5000 giờ lộ thiên với tia UV	Loại 0	(EN 1297)
Lão hoá nhân tạo	Đạt		(EN 1297)
Bền thời tiết	Kiểm tra trực quan (0.7W.m², 4000 giờ)	Đạt	(ASTM G 155)
Độ kín nước	Phương pháp B: tại 10 kPa	Đạt	(EN 1928)
Maximum tensile force	Theo phương dọc (MD[1]) Theo phương ngang (CMD[2])	≥ 900 N / 50 mm ≥ 900 N / 50 mm	(EN 12311-2)
Elongation at maximum tensile force	Theo phương dọc (MD) Theo phương ngang (CMD)	≥ 13 % ≥ 13 %	(EN 12311-2)

THÔNG TIN THI CÔNG

Nhiệt độ môi trường	Tối đa Tối thiểu	+60 °C -15 °C
Nhiệt độ bề mặt	Tối đa Tối thiểu	+60 °C -25 °C

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Theo tài liệu nguồn, sản phẩm được xem là một "vật phẩm" theo Điều 3 của Quy định REACH (EC) số 1907/2006. Trong điều kiện sử dụng bình thường hoặc có thể dự đoán hợp lý, sản phẩm không chứa các chất được chủ đích giải phóng từ vật phẩm. Vì vậy, theo Điều 31 của cùng quy định, không cần Phiếu an toàn hóa chất (SDS) để đưa sản phẩm ra thị trường, vận chuyển hoặc sử dụng. Để sử dụng an toàn, cần tuân thủ hướng dẫn trong PDS. Theo hiểu biết hiện tại của nhà sản xuất, sản phẩm không chứa các chất SVHC (chất có mức độ đáng quan ngại rất cao) thuộc Phụ lục XIV của REACH hoặc Danh sách ứng viên do Cơ quan Hóa chất châu Âu công bố ở nồng độ trên 0,1% khối lượng..

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

DỤNG CỤ THI CÔNG

HÀN NÓNG CHỒNG MÍ
- Thiết bị hàn khí nóng bằng điện, bao gồm máy hàn khí nóng cầm tay, vận hành thủ công và con lăn ép.
- Máy hàn khí nóng tự động có khả năng kiểm soát nhiệt độ khí nóng, với nhiệt độ tối thiểu đạt +600°C.

Thiết bị khuyến nghị :

Máy cầm tay	Leister Triac
Máy tự động	Varimat hoặc UniRoof

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Bề mặt nền phải nhẵn và đồng đều.
Lớp nền phải tương thích với màng, chịu được dung môi và khô ráo:
1. Loại bỏ các điểm nhô sắc cạnh hoặc ba via trên nền.
2. Nếu có dầu mỡ, bụi bẩn hoặc tạp chất, cần làm sạch lớp đỡ.

THI CÔNG

QUAN TRỌNG
Tuân thủ nghiêm ngặt
Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lắp đặt được quy định trong biện pháp thi công, sổ tay ứng dụng và hướng dẫn công việc; các hướng dẫn phải được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại công trường
QUAN TRỌNG
Nhân sự thi công
Chỉ nhân sự thi công đã được Sika đào tạo hoặc chấp thuận mới được thi công sản phẩm. Đơn vị thi công cũng cần có kinh nghiệm với loại ứng dụng này.
PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH- NGUYÊN TẮC CHUNG
Trải màng tự do, không kéo giãn hoặc tạo lực căng cho màng; cố định cơ học tại phần chồng mí hoặc tại các vị trí riêng biệt không phụ thuộc vào đường chồng mí. Các mối chồng mí được hàn bằng thiết bị khí nóng chuyên dụng.
PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH- CỐ ĐỊNH ĐIỂM (SARNAFAST®)
1. Thi công màng chống thấm vuông góc với hướng của mặt mái, trải cuộn màng, làm chồng mí 120 mm
2. Cố định màng bằng vít Sarnafast®, vòng đệm có gai và ống/bộ phận đi kèm dọc theo đường đánh dấu, cách mép màng 35 mm, Khoảng cách giữa các điểm cố định phải tuân theo tính toán cho từng dự án
3. Tại các vị trí chân tường/vách đứng và mọi vị trí xuyên mái, cố định sản phẩm bằng Sarnabar®.
4. Sử dụng dây hàn Sarnafil® T đường kính 4 mm để bảo vệ lớp mái khỏi bị gió hút làm rách hoặc bong bật.

PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH – CỐ ĐỊNH TRÊN DIỆN RỘNG
1. Thi công màng chống thấm vuông góc với hướng của mặt mái, trải cuộn màng, làm chồng mí 80 mm.
2. Cố định màng bằng phương pháp hàn cảm ứng các vòng đệm Sarnadisc có lớp phủ nóng chảy, kết hợp vít Sarnafast®, dọc theo đường đánh dấu cách mép màng 35 mm, Khoảng cách giữa các điểm cố định phải tuân theo tính toán cho từng dự án
3. Tại các vị trí chân tường/vách đứng và mọi vị trí xuyên mái, cố định sản phẩm bằng Sarnabar®.
4. Sử dụng dây hàn Sarnafil® T đường kính 4 mm để bảo vệ lớp mái khỏi bị gió hút làm rách hoặc bong bật

HÀN CHỐNG MÍ
Các mối chồng mí phải được hàn bằng thiết bị hàn điện khí nóng. Trước khi hàn, cần đánh giá, điều chỉnh và kiểm tra các thông số tại công trường theo loại thiết bị và điều kiện khí hậu, bao gồm nhiệt độ, tốc độ di chuyển máy, lưu lượng khí, áp lực và cài đặt máy. Chiều rộng hữu hiệu của phần chồng mí được hàn khí nóng phải tối thiểu 20 mm.
KIỂM TRA MỐI HÀN
1. Kiểm tra cơ học các mối hàn bằng tua vít đầu tròn để xác nhận mối hàn liên tục và hoàn chỉnh.
2. Khắc phục mọi vị trí chưa đạt bằng phương pháp hàn khí nóng.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Thông tin, và đặc biệt là các khuyến nghị liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được đưa ra một cách thiện chí dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về các sản phẩm khi được lưu trữ đúng cách, được xử lý và áp dụng trong điều kiện bình thường theo khuyến nghị của Sika. Trong thực tế, sự khác biệt về vật liệu, bề mặt nền và điều kiện địa điểm thực tế dẫn đến việc không có bảo đảm nào về khả năng bán được hoặc sự phù hợp cho một mục đích cụ thể cũng như bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ bất kỳ mối quan hệ pháp lý nào, có thể được suy ra từ thông tin này, hoặc từ bất kỳ khuyến nghị bằng văn bản nào hoặc từ bất kỳ lời khuyên nào khác được đưa ra. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng và mục đích dự định hay không. Sika có quyền thay đổi các đặc tính của sản phẩm của mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được được tôn trọng. Tất cả các đơn đặt hàng được chấp nhận theo các điều khoản bán hàng và giao hàng hiện tại của chúng tôi. Người dùng cần tham khảo phiên bản mới nhất của Tài liệu Sản phẩm địa phương dành cho sản phẩm liên quan. Các Tài liệu Sản phẩm này có sẵn trên trang web của chúng tôi. Thông tin trong bất kỳ phiên bản nào người dùng đã tải xuống chỉ có giá trị tại thời điểm tải.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com